

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Linh và ông Nguyễn Văn Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 26 ngày 22/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: KDC BT, phường H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: KDC BT, phường H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Phùng Thị Q trình bày: Chị Quyên và anh Nguyễn Thế N người cùng quê, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường H ngày 28/3/2012 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị Q về nhà anh N chung sống. Quá trình chung sống

vợ hòa thuận được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh N là con một nên được chiều chuộng, sống không quan tâm chăm lo cho chị Q. Khi chị Q mang bầu cũng không quan tâm chăm sóc. Đến đầu tháng 02/2013 do vợ chồng cãi vã nhau và lúc đó chị Q sắp sinh con nên đã về nhà để sống ly thân đến nay. Thực tế giữa khoảng cách giữa hai nhà chỉ vài trăm mét nhưng từ đó đến nay anh N không thăm nom, chu cấp gì cho con chung và chị Q. Hai bên cũng được hai bên gia đình và bạn bè hòa giải động viên nhưng nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q xin được ly hôn với anh Nguyễn Thế N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh L- sinh ngày 07/02/2013, hiện cháu L đang ở với chị Q và gia đình bố mẹ đẻ. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Q muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khánh L và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Vì thực tế từ khi sinh con đến nay chị tự nuôi con một mình, anh N nhà ở cạnh bên nhưng cũng chẳng thăm nom, chăm sóc, cấp dưỡng gì.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh N không đến Tòa án làm việc, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án nên chị Q có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, sớm đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn anh Nguyễn Thế N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố ý không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã xác minh hiện anh N sống một mình, không có người thân thích nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho Trưởng khu dân cư và niêm yết theo quy định.

Chính quyền địa phương khu dân cư BT, phường H đều xác định: Chị Phùng Thị Q và anh Nguyễn Thế N có đăng ký kết và chung sống với nhau từ năm 2012, nhưng chỉ được thời gian ngắn thì chị Q về nhà để sống và sinh con. Hai bên nhà chỉ cách nhau vài trăm mét nhưng không quan tâm chung sống cùng nhau nữa.

Người làm chứng bà Trần Thị H (là mẹ đẻ chị Phùng Thị Q, mẹ vợ anh Nguyễn Thế N) cung cấp: Chị Q và anh N là người cùng xóm với nhau, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường H ngày 28/3/2012 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị Q về nhà anh N chung sống. Thực tế hai nhà chỉ cách nhau hơn trăm mét

nên chị Q chạy đi chạy lại. Nhưng sau đó được thời gian ngắn thì chị Q xin phép và về ở hẳn nhà tôi. Chị Q cho rằng tình cảm vợ chồng không có, anh N không quan tâm chăm sóc vợ. Chị Q về nhà tôi và sinh con từ đầu năm 2013 và sống ly thân với anh N từ đó đến nay. Việc ly hôn là quyền của anh N và chị Q. Quan điểm của những người làm cha mẹ như chúng tôi luôn muốn các con đoàn tụ để các cháu đỡ khổ còn chị Q mà cương quyết ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị Q, anh N có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh L- sinh ngày 07/02/2013. Hiện cháu L và chị Q đang ở với gia đình tôi tại KDC BT, phường H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Nếu chị Q nuôi con tôi và gia đình cam kết hỗ trợ để các cháu có chỗ ăn ở sinh hoạt đảm bảo. Thực tế chị Q và cháu L đã ở với gia đình tôi từ khi sinh ra ngày 07/02/2013 đến nay.

Tại Biên bản ghi lời khai của cháu Nguyễn Thị Khánh L ngày 05/6/2023, thể hiện: Cháu Nguyễn Thị Khánh L- sinh ngày 07/02/2013, hiện nay đã học xong lớp 4 Trường Tiểu học H. Cháu là con của bố Nguyễn Thế N và mẹ là Phùng Thị Q. Hiện nay cháu đang ở với mẹ và ông bà ngoại tại KDC BT, phường H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, không sống chung cùng nhau thì nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ là Phùng Thị Q và ông bà ngoại. Nguyện vọng của cháu là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc gì.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Phùng Thị Q vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Thế N vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị Q ly hôn anh Nguyễn Thế N; Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Khánh L- sinh ngày 07/02/2013

cho chị Phùng Thị Q được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con không ai được cản trở; Về tài sản, công sức, vay nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc chị Phùng Thị Q chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn anh Nguyễn Thế N đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu dân cư BT, phường H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ.

Bị đơn anh Nguyễn Thế N có mặt tại nơi cư trú, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn chị Phùng Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Q và anh Nguyễn Thế N, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường H ngày 28/3/2012 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Q và anh N thấy rằng: Từ khi kết hôn năm 2012, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm đã nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến đầu năm 2013 khi đang mang thai con chung thì chị Q đã chuyển về nhà để ở sống ly thân đến nay. Tuy nhà anh N và nhà chị Q cùng khu dân cư và chỉ cách nhau vài trăm mét nhưng anh N không quan tâm chăm sóc, không tìm đón mẹ con chị Q về đoàn tụ. Quan hệ hôn nhân giữa chị

Q và anh N tuy vẫn duy trì về mặt pháp lý nhưng thực tế không thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Phùng Thị Q xin ly hôn với anh Nguyễn Thế N.

[4] Về con chung: Xác định cháu Nguyễn Thị Khánh L- sinh ngày 07/02/2013 là con chung của chị Phùng Thị Q và anh Nguyễn Thế N, hiện cháu L đang sống ổn định cùng chị Q và gia đình bên ngoại. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; anh Nguyễn Thế N vắng mặt, không có quan điểm; cháu Nguyễn Thị Khánh L có nguyện vọng muốn ở cùng chị Q. Vì vậy, cần giao cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Anh Nguyễn Thế N không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Q không yêu cầu và anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở là phù hợp thực tế phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, vay nợ, công sức chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phùng Thị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị Q ly hôn anh Nguyễn Thế N.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Khánh L- sinh ngày 07/02/2013 cho chị Phùng Thị Q được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi

thành niên hoặc có thay đổi khác, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công sức, vay nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Phùng Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003852, ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị Q đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Hoàng Tân (q/l hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách